

Số: 01 /QĐ-HĐQLQ

Hung Yên, ngày 01 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 2967/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc kiện toàn tổ chức Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-UBND ngày 16/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc thành lập Hội đồng quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc thành lập Ban kiểm soát và Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Cơ quan Quản lý Quỹ tại Tờ trình số 12/TTr-CQQQLQ ngày 28 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, Cơ quan quản lý Quỹ; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Cục

Thuế tỉnh; Chi cục Thuế cấp huyện, khu vực; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đóng trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Tổng cục Phòng, chống thiên tai;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CQQLQ.



CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn

QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN
TẠI TỈNH HƯNG YÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số 01 /QĐ-HĐQLQ ngày 01 /8/2022
của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về tổ chức, bộ máy và quản lý, sử dụng, hoạt động Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Quỹ); nguồn tài chính, nội dung chi, đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp, quy trình điều tiết, công khai thông tin và thanh quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, Cơ quan quản lý Quỹ và cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Tên gọi, địa vị pháp lý của Quỹ phòng, chống thiên tai

1. Tên gọi: Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Quỹ).

Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Hưng Yên Disaster Prevention Fund.

2. Địa vị pháp lý: Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý. Quỹ có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Hưng Yên hoặc một ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại tỉnh Hưng Yên.

Quỹ phòng, chống thiên tai hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Trụ sở của Quỹ: Đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 1 đường Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động và nhiệm vụ của Quỹ

1. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

a) Quỹ được hoạt động theo Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Việc quản lý và sử dụng Quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ của Quỹ

a) Hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu.

b) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính.

c) Thực hiện chế độ báo cáo, kế toán theo quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai (gọi tắt là Nghị định số 78/2021/NĐ-CP) và các quy định của pháp luật liên quan.

d) Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

đ) Công bố công khai về quy chế hoạt động, kết quả hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai, báo cáo tình hình thực hiện quỹ theo quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BỘ MÁY QUẢN LÝ** **VÀ ĐIỀU HÀNH QUỸ**

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, Cơ quan quản lý Quỹ.

Mục 1 **HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ**

Điều 5. Cơ cấu của Hội đồng quản lý Quỹ

Hội đồng quản lý Quỹ có 07 thành viên theo chế độ kiêm nhiệm, gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, 02 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và các ủy viên, cụ thể:

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
2. Các Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, gồm:
 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách kinh tế là Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản lý Quỹ;
 - Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3. Các ủy viên gồm: Đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Thuế tỉnh.
4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan hàng năm rà soát, tham mưu, trình cấp có thẩm quyền xem xét Quyết định kiện toàn lãnh đạo và các thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ quản lý Quỹ, tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả Quỹ phòng, chống thiên tai của tỉnh.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ và bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Chế độ làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công và được thực hiện theo Quy chế tổ chức, hoạt động của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng ban hành theo đề nghị của Cơ quan quản lý Quỹ.

4. Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền.

5. Thông qua kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

6. Chỉ đạo Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu Quỹ hàng năm của các cơ quan, địa phương, đơn vị. Đôn đốc việc thu, nộp các khoản đóng góp bắt buộc; tiếp nhận các nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện của các tổ chức cá nhân trong nước, nước ngoài và các nguồn tài chính khác quy định tại Điều 12, Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

7. Chỉ đạo Cơ quan quản lý Quỹ thực hiện giải ngân cho các đơn vị, địa phương hoặc điều chuyển cho Quỹ Trung ương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc cho các Quỹ cấp tỉnh của địa phương khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Chỉ đạo Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp quỹ theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại Điều 13 và khoản 1, Điều 14 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

9. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

10. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ và các thành viên của Ban Kiểm soát.

11. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ.

12. Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ và Cơ quan quản lý Quỹ; thông qua báo cáo kết quả kiểm soát Quỹ. Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác thu, chi quỹ; định kỳ tổ chức việc thanh tra, giám sát hoạt động Quỹ và công khai Quỹ theo quy định của pháp luật.

13. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chấp hành các nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.
3. Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Hội đồng theo quy định tại Quy chế này và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng.
4. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.
5. Sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật.
6. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.
7. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng.
8. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.
9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chấp hành các nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ khi được ủy quyền; tham mưu, đề xuất về công tác tổ chức nhân sự của Ban kiểm soát Quỹ và Cơ quan quản lý Quỹ.
3. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ, theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ.
4. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký nhận hỗ trợ, tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.
5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ giao; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.
6. Trực tiếp theo dõi và đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý Quỹ.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chấp hành các nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Dự họp, thảo luận, kiến nghị, cho ý kiến biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ; tổ chức, thực hiện các nghị quyết, quyết

định của Hội đồng và các nhiệm vụ cụ thể do Chủ tịch Hội đồng phân công hoặc ủy quyền.

3. Kiểm tra, xem xét báo cáo tài chính hàng năm, tham gia xây dựng biên bản, có ý kiến khi Hội đồng quản lý Quỹ xin ý kiến ban hành nghị quyết và các tài liệu khác.

4. Có quyền yêu cầu Cơ quan quản lý Quỹ cung cấp thông tin, tài liệu về tài chính và hoạt động của Quỹ theo quy định về chế độ thông tin, báo cáo hoặc theo nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công xử lý, giải quyết; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phân công hoặc ủy quyền.

Điều 10. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ một năm một lần để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng ban Kiểm soát Quỹ, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Thông báo mời dự họp Hội đồng có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax hoặc phương thức khác.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chủ trì và chỉ có hiệu lực khi có ít nhất trên 2/3 tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tham dự. Số thành viên Hội đồng vắng mặt tại các cuộc họp phải báo cáo lý do vắng mặt bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền làm chủ trì. Trong trường hợp không tổ chức được cuộc họp toàn thể, Hội đồng quản lý Quỹ có thể xin ý kiến của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bằng văn bản.

4. Tài liệu họp được chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tối thiểu 3 ngày làm việc trước ngày họp.

5. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số thành viên trong Hội đồng có mặt tại cuộc họp bỏ phiếu tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết đồng ý và không đồng ý ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là quyết định cuối cùng. Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình, nhưng phải chấp hành nghị quyết, quyết định được thông qua.

6. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ được ghi rõ trong biên bản cuộc họp, được chủ trì cuộc họp ký tên. Kết luận của cuộc họp

được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định hoặc biên bản gửi tới tất cả các Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng ký ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng ký thay.

8. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó.

Mục 2 **BAN KIỂM SOÁT QUỸ**

Điều 11. Tổ chức của Ban Kiểm soát Quỹ

Ban kiểm soát Quỹ có 03 thành viên gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và ủy viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

1. Trưởng Ban kiểm soát Quỹ là Chánh thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. 01 Phó Trưởng Ban kiểm soát Quỹ là Phó Chánh thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; 01 Ủy viên Ban kiểm soát là công chức thuộc cơ quan thường trực phòng, chống thiên tai do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

Các thành viên Ban kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng Quỹ và không được kiêm nhiệm các nhiệm vụ của Bộ máy điều hành Quỹ.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật, quyết định và nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ. Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về công tác tài chính, kế toán, kiểm toán của Cơ quan quản lý Quỹ. Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ định kỳ hàng Quý, năm hoặc theo từng việc cụ thể.

2. Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ban hành. Định kỳ hàng năm xây dựng chương trình, kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện.

3. Kịp thời phát hiện, báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ, trong trường hợp cần thiết thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc các vi phạm trong quản lý tài chính Quỹ.

4. Trưởng Ban kiểm soát Quỹ phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện hoặc tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự cho phép của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vi phạm trong việc quản lý tài chính của Quỹ trên phạm vi toàn tỉnh.

5. Thành viên Ban Kiểm soát được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ mở rộng, nhưng không có quyền biểu quyết.

6. Trưởng, Phó trưởng Ban Kiểm soát Quỹ, sử dụng con dấu của cơ quan đơn vị đang phụ trách để thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát

Trưởng Ban Kiểm soát là người trực tiếp chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ về các quyết định của mình, cụ thể:

1. Tổ chức xây dựng chương trình, kế hoạch công tác và tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch công tác của Ban Kiểm soát. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

2. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong thực hiện các công việc được phân công thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Quy chế này.

3. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập Hội đồng họp phiên bất thường để báo cáo kết quả kiểm soát khi phát hiện thấy có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng.

4. Phát hiện và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về những yếu kém trong việc kiểm soát nội bộ, chấp hành các quy định của pháp luật để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời. Đối với những việc cần kiểm tra, giám sát đột xuất, Trưởng Ban Kiểm soát báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, phê duyệt kế hoạch để tổ chức thực hiện.

5. Ký các văn bản liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng giao.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thực hiện nhiệm vụ cụ thể theo sự chỉ đạo, phân công trực tiếp của Trưởng Ban Kiểm soát thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Quy chế này.

2. Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm soát đối với những công việc của mình thực hiện. Chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Kiểm soát và pháp luật nếu cố ý bỏ qua hoặc bao che những hành vi vi phạm pháp luật và Quy chế này.

3. Không được tiết lộ các thông tin và kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Trưởng Ban Kiểm soát và Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

4. Chịu trách nhiệm về những ý kiến tham gia tại cuộc họp thảo luận để thống nhất những nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, kiểm soát cần có quyết định tập thể.

Điều 15. Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.
2. Ban Kiểm soát làm việc độc lập, theo chương trình, kế hoạch công tác quý, năm của Quỹ đã được Hội đồng thông qua và theo quy định của pháp luật.
3. Đối với những việc cần kiểm soát đột xuất, Trưởng Ban Kiểm soát báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt kế hoạch kiểm soát trước khi tiến hành kiểm soát.

Mục 3 CƠ QUAN QUẢN LÝ QUỸ

Điều 16. Tổ chức của Cơ quan quản lý Quỹ

1. Lãnh đạo Quỹ gồm:
 - Giám đốc là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Giám đốc Quỹ là đại diện pháp nhân của Quỹ Phòng, chống thiên tai của tỉnh. Giám đốc Quỹ được ký hợp đồng theo quy định của pháp luật đối với một số công việc phục vụ hoạt động của Quỹ, chịu trách nhiệm trước pháp luật.
 - 01 Phó Giám đốc là đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.
- Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Bộ phận chuyên môn, giúp việc và Kế toán trưởng Quỹ:

Sử dụng công chức, viên chức của cơ quan thường trực phòng chống thiên tai tỉnh kiêm nhiệm do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.

Điều 17. Nhiệm vụ của Cơ quan quản lý Quỹ

1. Tham mưu trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ theo quy định tại khoản 2, Điều 11 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát Quỹ.
2. Tiếp nhận nguồn đóng góp bắt buộc, nguồn hỗ trợ, tài trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn điều tiết từ Quỹ Trung ương và giữa các Quỹ cấp tỉnh; nguồn thu lãi từ tài khoản tiền gửi và các nguồn hợp pháp khác theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.
3. Quản lý, tổng hợp kế hoạch thu, nộp Quỹ hàng năm của các đơn vị trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;
4. Thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của

Bộ Tài chính. Thực hiện giải ngân cho các đơn vị, địa phương hoặc điều chuyển cho Quỹ Trung ương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc cho các Quỹ cấp tỉnh của địa phương khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Báo cáo định kỳ kết quả thu, chi Quỹ với cơ quan quản lý Quỹ Trung ương trước 25 hàng tháng. Trong quý I hàng năm lập báo cáo quyết toán thông qua Hội đồng quản lý Quỹ gửi Sở Tài chính thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6. Công khai kết quả thu, chi Quỹ theo quy định tại khoản 4, Điều 20 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

7. Phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan tổ chức kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc thu - nộp, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán Quỹ theo quy định.

8. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước. Cung cấp kịp thời các thông tin về Quỹ cho Cơ quan Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, các tổ chức Hội có liên quan để thực hiện quyền giám sát thông qua các ý kiến, đề xuất, phản biện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

9. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm, các quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 18. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ các hoạt động của Quỹ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo thẩm quyền và các quy định tại Quy chế này. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

a) Tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ, nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

b) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp và những vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của Quỹ, chịu trách nhiệm quản lý con dấu và tài khoản của Quỹ theo quy định.

c) Trình Hội đồng quản lý Quỹ kế hoạch hoạt động dài hạn, hàng năm; kế hoạch tài chính và tổ chức thực hiện sau khi đã được phê duyệt.

d) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Cơ quan quản lý Quỹ; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các mặt hoạt động của Quỹ với Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm.

Điều 19. Phó Giám đốc Quỹ

Phó Giám đốc Quỹ giúp Giám đốc Quỹ quản lý, điều hành một số nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Điều 20. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng Cơ quan quản lý Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ kế toán Quỹ.

b) Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán và các quy định khác của pháp luật.

c) Lập báo cáo tài chính tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán.

Điều 21. Kinh phí hoạt động, quản lý, điều hành Quỹ

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ và Cơ quan quản lý Quỹ được tính vào chi phí quản lý hoạt động của Quỹ. Chi phí quản lý hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP. Hàng năm, Cơ quan quản lý Quỹ căn cứ kế hoạch dự kiến thu Quỹ và nhu cầu kinh phí quản lý, điều hành trong năm để lập dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, được hưởng các khoản phụ cấp theo quy định về chế độ hiện hành.

Chương III

NGUỒN TÀI CHÍNH; QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ

Điều 22. Nguồn tài chính

1. Mức đóng góp bắt buộc từ các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn một năm là 0,02% trên tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức báo cáo cơ quan Thuế nhưng tối thiểu 500 nghìn đồng, tối đa 100 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức.

2. Đóng góp, tài trợ, hỗ trợ tự nguyện của các tổ chức, doanh nghiệp cho Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường theo quy định của pháp luật về lao động đóng góp hàng năm như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động ở tỉnh, ở huyện, thị xã, thành phố, ở xã, phường, thị trấn (cấp xã) và

lực lượng vũ trang đóng một phần hai của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng.

b) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp đóng một phần hai của mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng theo hợp đồng lao động. Người lao động giao kết nhiều hợp đồng với nhiều doanh nghiệp chỉ phải đóng 01 lần theo 01 hợp đồng lao động có thời gian dài nhất.

c) Người lao động khác, ngoài các đối tượng đã được quy định tại điểm a, b khoản này, đóng góp 10.000 đồng/người/năm.

4. Hỗ trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

5. Điều tiết từ Quỹ trung ương và giữa các Quỹ cấp tỉnh.

6. Thu lãi từ tài khoản tiền gửi.

7. Các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

8. Tồn dư Quỹ cấp tỉnh cuối năm trước được chuyển sang năm sau.

Điều 23. Quản lý thu, kế hoạch thu nộp Quỹ

1. Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp công tác xây dựng kế hoạch thu quỹ của các huyện, thị xã, thành phố, Cục Thuế tỉnh (lập kế hoạch thu quỹ đối với các doanh nghiệp và người lao động thuộc doanh nghiệp tỉnh quản lý theo Điều 12, Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP) và Chi cục Thuế cấp huyện, khu vực (lập kế hoạch thu quỹ đối với các doanh nghiệp và người lao động thuộc doanh nghiệp cấp huyện quản lý theo Điều 12, Điều 13 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở để các đơn vị thực hiện. Căn cứ kế hoạch thu quỹ đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Cục Thuế tỉnh và Chi cục Thuế cấp huyện, khu vực triển khai thông báo kế hoạch thu quỹ đến các đối tượng nộp quỹ, thực hiện thu quỹ theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm thu, tổng hợp số tiền phải nộp và thông báo, đơn đốc các doanh nghiệp thuộc tỉnh quản lý nộp quỹ theo quy định tại Điều 22 Quy chế này và nộp vào tài khoản của Quỹ; được giữ lại không quá 1% trên tổng số quỹ thu được từ các doanh nghiệp và người lao động thuộc doanh nghiệp tỉnh quản lý để chi cho nhiệm vụ thu quỹ.

3. Chi cục Thuế cấp huyện, khu vực có trách nhiệm thu, tổng hợp số tiền phải nộp và thông báo, đơn đốc các doanh nghiệp thuộc cấp huyện quản lý nộp quỹ theo quy định tại Điều 22 Quy chế này và nộp vào tài khoản ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền; được giữ lại không quá 3% trên tổng số quỹ thu được từ các doanh nghiệp và người lao động thuộc doanh nghiệp cấp huyện quản lý để chi cho nhiệm vụ thu quỹ.

4. Thủ trưởng tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn có trách nhiệm cung cấp đầy đủ danh sách kế hoạch thu, nộp quỹ của các cá nhân

do mình quản lý và nộp Quỹ theo định mức được quy định tại khoản 1 và điểm b, khoản 3 Điều 22 Quy chế này chuyển vào tài khoản của Quỹ hoặc vào tài khoản ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Quy chế này có trách nhiệm thu của cán bộ, công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp và người lao động thuộc phạm vi quản lý và chuyển vào tài khoản của Quỹ hoặc vào tài khoản ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ kế hoạch thu của các cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp xã trực thuộc và xem xét các đối tượng miễn, giảm, tạm hoãn, để tổng hợp lập kế hoạch và thu quỹ của huyện, báo cáo Cơ quan quản lý Quỹ.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ đối tượng, mức đóng góp thuộc phạm vi quản lý, các đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn để xây dựng kế hoạch và thu quỹ của địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thu của các đối tượng lao động khác trên địa bàn theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 22 Quy chế này và chuyển vào tài khoản ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền. Việc thu bằng tiền mặt phải có chứng từ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh cho Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế cấp huyện, khu vực, Cơ quan quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân cấp huyện làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu Quỹ theo quy định.

10. Bảo hiểm xã hội tỉnh Hưng Yên thực hiện và chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố cung cấp thông tin về số lượng công chức, viên chức, người hưởng lương, phụ cấp, người lao động làm việc trong cơ quan, tổ chức và người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn cho Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế cấp huyện, khu vực, Cơ quan quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thu tại các cấp.

11. Cơ quan quản lý Quỹ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế cấp huyện, khu vực tổng hợp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt cho các đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng Quỹ và giao chỉ tiêu thu Quỹ đối với các cơ quan, đơn vị, các huyện, thị xã, thành phố, Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế cấp huyện, khu vực trước ngày 31 tháng 7 hàng năm. Phối hợp với Sở Tài chính quyết toán thu, chi hàng năm.

12. Thời hạn lập và phê duyệt kế hoạch thu, nộp Quỹ cấp tỉnh: Trước ngày 15 tháng 5 hàng năm.

13. Thời hạn nộp Quỹ cấp tỉnh: Đối với cá nhân nộp một lần trước ngày 31 tháng 7 hàng năm; đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước ngày 31 tháng 7, số còn lại nộp trước ngày 30 tháng 11 hàng năm. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh kéo dài và ảnh hưởng phạm vi lớn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh thời hạn nộp hoặc quyết định miễn, giảm đóng góp Quỹ cấp tỉnh cho phù hợp.

Điều 24. Nội dung chi của Quỹ

1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai, ưu tiên các hoạt động sau đây:

a) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai; hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai.

b) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai; hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ, đường sắt quan trọng trên địa bàn bị sạt trượt, sạt lở; hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai tối đa không quá 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

c) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; hỗ trợ sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng thiên tai, nguy hiểm; phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai; hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin, dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai theo quy định.

2. Căn cứ nội dung chi của Quỹ tại khoản 1 Điều này và số thu thực tế trên địa bàn mỗi cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã giữ lại tối đa không quá 28% số thu trên địa bàn

để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu (không quá 5%); chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ (không quá 3%) và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã (không quá 20%). Số tiền thu quỹ còn lại (tối thiểu 72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản quỹ ở cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện giữ lại tối đa không quá 20% số thu trên địa bàn (bao gồm số thu trực tiếp của cấp huyện, số thu của cấp xã và số thu của Chi cục Thuế cấp huyện, khu vực) để chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện và không quá 3% tổng số thu trực tiếp của cấp huyện, số thu của cấp xã để chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ (không bao gồm số thu của Chi cục Thuế cấp huyện, khu vực). Số tiền còn lại nộp vào tài khoản của Quỹ.

c) Sau khi các cấp có báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp huyện, xã đã sử dụng hết.

3. Chi phí quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định hiện hành nhưng không vượt quá 3% tổng số thu của Quỹ (trong đó đã bao gồm phần kinh phí chi để thu quỹ của Cục Thuế tỉnh quy định tại khoản 2, Điều 23 Quy chế này).

Điều 25. Thẩm quyền chi

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ tại Điều 24 Quy chế này theo đề nghị của Cơ quan quản lý Quỹ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã quyết định nội dung chi và mức chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ngoài các nội dung chi tại khoản 1 Điều 24 cho các đối tượng theo đề nghị của Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cùng cấp.

3. Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức liên quan; tổ chức kiểm tra, rà soát và đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Thực hiện việc điều chuyển cho Quỹ trung ương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc cho các Quỹ cấp tỉnh của địa phương khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 26. Báo cáo, phê duyệt quyết toán

1. Cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo quyết toán gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong Quý I hàng năm. Ủy ban nhân dân nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán Quỹ theo quy định hiện hành.

2. Về việc quyết toán công trình (hạng mục công trình) hoàn thành có sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ từ Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành về quyết toán công trình (hạng mục công trình) hoàn thành.

3. Cơ quan quản lý Quỹ báo cáo kết quả thu, chi quỹ với cơ quan quản lý Quỹ trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 25 hàng tháng.

4. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính về chế độ kế toán.

5. Thực hiện các công tác quyết toán khác theo quy định hiện hành.

Điều 27. Thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, giám sát hoạt động Quỹ

1. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hưng Yên chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ. Có biện pháp đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ nộp Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ kế hoạch thu quỹ đã được phê duyệt hàng năm, cơ quan quản lý Quỹ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về thanh tra thường xuyên và đột xuất việc chấp hành công tác xây dựng kế hoạch thu, chi và quản lý sử dụng quỹ tại các địa phương, đơn vị theo đúng quy định.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức Hội có liên quan đến Quỹ được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về quỹ và thực hiện quyền giám sát thông qua các ý kiến, đề xuất, phản biện.

Điều 28. Chế độ thông tin, công khai nguồn thu, chi Quỹ

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức phải công khai danh sách thu, nộp quỹ của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

a) Hình thức công khai: Thông báo bằng văn bản, niêm yết tại đơn vị; công bố tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị.

b) Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày chuyển vào tài khoản của Quỹ.

2. Cấp xã phải công khai kết quả thu nộp, danh sách người lao động đã đóng quỹ trên địa bàn; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống thiên tai và nội dung chi.

a) Hình thức công khai: Báo cáo giải trình công khai tại cuộc họp tổng kết hàng năm, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, Trung tâm văn hóa các thôn và thông báo trên phương tiện truyền thanh xã.

b) Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày chuyển vào tài khoản của Quỹ.

3. Cấp huyện phải công khai kết quả thu nộp, danh sách tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài đã đóng quỹ trên địa bàn huyện và từng xã; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống thiên tai và nội dung chi.

a) Hình thức công khai: Báo cáo giải trình tại cuộc họp tổng kết hàng năm, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện và công khai trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày chuyển vào tài khoản của Quỹ.

4. Cơ quan quản lý Quỹ công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và từng huyện; báo cáo quyết toán thu chi; nội dung chi theo địa bàn cấp huyện.

a) Hình thức công khai: Gửi Cơ quan quản lý Quỹ trung ương; niêm yết tại trụ sở Quỹ; thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức đóng góp quỹ; công khai trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan quản lý Quỹ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày chuyển vào tài khoản của Quỹ.

Điều 29. Mối quan hệ giữa Quỹ phòng, chống thiên tai trung ương và Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh

1. Cơ quan quản lý Quỹ tham mưu Hội đồng quản lý quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Báo cáo tình hình huy động nguồn lực của địa phương để chi khắc phục hậu quả thiên tai; trong đó cụ thể nguồn tài chính đã chi để thực hiện: dự phòng ngân sách địa phương, Quỹ cấp tỉnh, Quỹ dự trữ tài chính và các nguồn lực hợp pháp khác.

b) Báo cáo tình hình thực hiện Quỹ về Quỹ trung ương, bao gồm: các hoạt động đã bố trí dự toán, đã sử dụng và tồn dư quỹ còn lại đến thời điểm đề nghị điều tiết.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ của tỉnh và đề xuất Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ trung ương xem xét, hỗ trợ kinh phí từ Quỹ trung ương cho địa phương khắc phục hậu quả thiên tai.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chuyển quỹ hỗ trợ cho các địa phương khác.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Trách nhiệm của các sở, ngành, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp.

1. Việc quản lý quỹ, sử dụng Quỹ phải bảo đảm đúng mục đích, đúng chế độ theo quy định của pháp luật và quy định tại Quyết định này. Nghiêm cấm việc sử dụng Quỹ sai mục đích dưới bất kỳ hình thức nào.

2. Cục Thuế tỉnh, Chi cục Thuế cấp huyện, khu vực, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức thu, nộp Quỹ theo Điều 22 Quy chế này.

3. Số dư Quỹ phòng, chống thiên tai tại Kho bạc Nhà nước các cấp được bàn giao cho cơ quan quản lý quỹ để quản lý, sử dụng theo quy định Nghị định số 78/2021/NĐ-CP.

4. Hội đồng quản lý Quỹ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành, chỉ đạo tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch thu, chi Quỹ; định kỳ tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động quỹ; việc công khai thông tin về quỹ theo quy định của Nghị định 78/2021/NĐ-CP và các quy định của pháp luật liên quan.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan có trách nhiệm hướng dẫn triển khai thực hiện Quy chế này; hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện Quỹ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan triển khai hiệu quả công tác thu nộp, quản lý và sử dụng Quỹ theo quy định của pháp luật.

6. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính, chế độ kế toán đối với Quỹ, phòng chống thiên tai theo Quy chế này.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc kiểm tra, giám sát tình hình quản lý và sử dụng Quỹ phòng chống thiên tai của tỉnh.

Điều 31. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, quản lý và đóng góp Quỹ được khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm về đóng góp Quỹ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người được giao nhiệm vụ thu, nộp, quản lý và sử dụng Quỹ mà vi phạm các quy định trên thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung quy chế

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ, các ngành, các cấp có liên quan phản ánh kịp thời về Cơ quan quản lý Quỹ. Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp, đề xuất Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với tình hình thực tế và các quy định của pháp luật./.